TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:69/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 11 năm 2018
"V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Anh Ngọc
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Đức Quỳnh - Ông Nguyễn Đức Hào
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H. Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số: 289/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:145/2018/QĐXX-ST ngày31 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2018/QĐ-HPT ngày 14/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/5/1993
Trú tại: xómT, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Có mặt)
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bá T, sinh ngày 25/3/1993.
Trú tại: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An
Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dụng đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Bá T cưới nhau vào tháng 12/2014 trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện đến với nhau, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được sự đồng ý của hai gia đình chứng kiến của xóm làng và bạn bè. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 86/2014 ngày 04/12/2014. Sau khi cưới đến cuối năm 2016 vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do

tính tình vợ chồng không phù hợp, quan điểm vợ chồng khác nhau,vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh T có biểu hiện không chung thủy. Do vậy vợ chồng đã có những hành động, lời nói thiếu tôn trọng nhau. Mỗi lần mâu thuẫn anh T còn đánh đập xúc phạm chị N làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của chị N. Sau khi mâu thuẫnxảy ra vợ chồng đã được hòa giải tại gia đình nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, ngược lại mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng sâu sắc hơn. Do mâu thuẫn ngày càng sâu sắc trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt các quan hệ kể từ tháng 8/2017 cho đến nay. Chị N xác định hôn nhân của giữa chị và anh Nguyễn Bá T đã đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ chồng cũng thể đoàn tụ, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên, chị N đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Bá T.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Thị B, Giới tính: nữ, sinh ngày 03/9/2015. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung chị N đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không có trách nhiệm gì đối với con chung. Nếu ly hôn chị N đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu tòa giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anhNguyễn Bá T không hợp tác, Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh T để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do chị Nguyễn Thị N cung cấp, xác minh tại địa phương, trình bày của chị N tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chungnguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cơ bản đúng như chị N đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Bá T yêu cầu anh, chị có mặt tại Tòa án để giải quyết, nhưng anh T không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có mặt, bị đơn anh Nguyễn Bá T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị N, anh T. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị N có mặt, bị đơn anhTtiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Bá T đảm bảo đúng qui định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân giữa chị N, anh T là hoàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 86/2014 ngày 04/12/2014 qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị N, anh T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N, anh T đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, một bên không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững, vợ chồng sống thiếu niềm tin đối với nhau trong quan hệ tình cảm, nên đã cự cãi va chạm với nhau qua lời nói và xử sự không đúng mực đối với nhau dẫn đến hôn nhân đổ vỡ, vợ chồng hoàn toàn mất hết tình cảm, tình thương đối với nhau. Sau khi các bên sống ly thân cả vợ, lẫn chồng đều không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt các quan hệ vợ chồng, không thương yêu quan tâm đến nhau kể từ tháng 8 năm 2016 cho đến nay. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị N, anh T đã thực sự đổ vỡ, tan rã không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu của chị.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng được chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Mặc dù không có sự hổ trợ của chồng về việc nuôi con chung nhưng chị N vẫn nuôi con tốt, dạy con ngoan, con chung phát triển tốt nhiều mặt, thể hiện người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung. Do vậy chị N đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là đúng, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Nguyễn Thị N.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Bá T cấp dưỡng nuôi con chung, nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến lúc có yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc chịNguyễn Thị N phải nộp án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

* Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Bá T.

* Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị B, Giới tính: nữ, sinh ngày 03/9/2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến

lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Bá T cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Nguyễn Bá T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

* Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0003038 ngày 06/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA